

SỞ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO ĐIỆN BIÊN
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM HỌC 2025 -2026

DANH SÁCH TỔNG HỢP THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN
VÒNG 2 KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP TRỰC THUỘC UBND XÃ, PHƯỜNG NĂM HỌC 2025-2026
(Kèm theo Thông báo số 3219 /TB - HĐTD ngày 21 /tháng 10 /năm 2025 của Hội đồng tuyển dụng viên chức năm học 2025 -2026)

Vị trí dự tuyển: Nhân viên

TT	SBD	Họ và tên	Ngày/tháng năm/sinh	Dân tộc	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ	Điện ưu tiên	Vị trí dự tuyển
1	4001	Tường Lê Việt Anh	14/11/2003	Kinh	ĐH	Kế toán	UDCNTTCB; TA		NV Kế toán
2	4002	Lê Thị Trinh	20/9/1994	Kinh	ĐH	Kế toán	Tin B; TA B		NV Kế toán
3	4003	Giàng Thị Cúc	03/11/2002	Mông	ĐH	Kế toán		DTTS	NV Kế toán
4	4004	Trần Thu Hà	12/2/2003	Kinh	ĐH	Kế toán			NV Kế toán
5	4005	Tần A Pú	17/5/2003	Dao	ĐH	Kế toán	UDCNTTCB	DTTS	NV Kế toán
6	4006	Trần Ngọc Sơn	16/7/2000	Kinh	ĐH	Kinh tế			NV Kế toán
7	4007	Lò Việt Trường	12/7/2001	Thái	ĐH	Kế toán		DTTS	NV Kế toán
8	4008	Lò Thị Thu Thủy	07/2/1992	Thái	CĐ	Sư phạm Hóa Sinh	Tin B	DTTS	NV Thiết bị thí nghiệm
9	4009	Quảng Văn Tương	08/9/1990	Thái	CĐ	Sư phạm Hóa Sinh		DTTS	NV Thiết bị thí nghiệm
10	4010	Lù Thị An	21/1/1991	Thái	CĐ	Thư viện thông tin		DTTS	NV Thư viện

TT	SBD	Họ và tên	Ngày/tháng năm/sinh	Dân tộc	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ	Điện ưu tiên	Vị trí dự tuyển
11	4011	Khoàng Thị Anh	25/12/1994	Thái	ĐH	Giáo dục chính trị	CC Thông tin thư viện; UDCNTTCB: TA	DTTS	NV Thư viện
12	4012	Đinh Thị Ngọc Ánh	17/7/1996	Thái	CĐ	Hành chính học	CCNVTTTTV	DTTS	NV Thư viện
13	4013	Pòong Thị Đợi	01/7/2000	Thái	ĐH	Pháp luật hành chính	CC thông tin thư viện	DTTS	NV Thư viện
14	4014	Vũ Thị Thu Hà	01/10/2002	Kinh	ĐH	Thông tin thư viện			NV Thư viện
15	4015	Poòng Văn Hóa	01/08/1993	Thái	ĐH	Luật	UDCNTTCB, Tiếng Anh, Thông	DTTS	NV Thư viện
16	4016	Lèng Văn Hoàn	28/1/2000	Thái	ĐH	Công tác thanh thiếu niên	UDCNTTCB; TA B1; CC nghiệp vụ	DTTS	NV Thư viện
17	4017	Lèng Văn Huế	21/10/1998	Thái	ĐH	Quản lý nhà nước	CC nghiệp vụ thông tin thư viện;	DTTS	NV Thư viện
18	4018	Tao Thị Linh	10/03/1998	Thái	ĐH; trung cấp	ĐH Văn hóa dân tộc thiểu số; TC	UDCNTTCB, Tiếng Anh - B1;	DTTS	NV Thư viện
19	4019	Vàng A Minh	19/12/1997	Mông	Trung cấp	Pháp luật	CC nghiệp vụ thông tin thư viện; tin học ứng dụng	DTTS	NV Thư viện
20	4020	Thào Thị Ná	04/03/1995	Mông	ĐH	Thông tin thư viện	Tiếng Anh, UDCNTTCB	DTTS	NV Thư viện
21	4021	Lò Thị Nga	02/05/1993	Thái	ĐH	Xã hội học	Tiếng Anh - A2, UDCNTTCB, CC Thư viện	DTTS	NV Thư viện
22	4022	Chang Khừ Pứ	10/7/1999	Hà Nhì	ĐH	Quản trị văn phòng	CC thư viện; UDCNTTCB	DTTS	NV Thư viện
23	4023	Lò Thị San	16/9/1989	Thái	CĐ	Thư viện thông tin	Tin B	DTTS	NV Thư viện
24	4024	Vàng A Sênh	02/3/1996	Mông	CĐ	Công tác xã hội	CC nghiệp vụ thông tin thư viện; Tin học ứng dụng; tiếng anh	DTTS	NV Thư viện

TT	SBD	Họ và tên	Ngày/tháng năm/sinh	Dân tộc	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ	Điện ưu tiên	Vị trí dự tuyển
25	4025	Quàng Thị Thích	07/1/1990	Thái	CD	Thư viện thông tin		DTTS	NV Thư viện
26	4026	Lò Minh Thiện	03/8/1995	Thái	ĐH	Luật	CC nghiệp vụ thông tin thư viện; tin học ứng dụng	DTTS	NV Thư viện
27	4027	Sùng A Tỉnh	03/04/1995	Mông	ĐH	Điều tra trinh sát	UDCNTTCB, Thư viện thiết bị	DTTS	NV Thư viện
28	4028	Thào A Tỉnh	08/3/1994	Mông	ĐH	Luật	CC Thông tin thư viện	DTTS	NV Thư viện
29	4029	Giàng A Tổng	05/6/1996	Mông	ĐH	Bác sĩ thú y	CC nghiệp vụ thông tin thư viện; tin học	DTTS	NV Thư viện
30	4030	Sùng A Vàng	27/5/1990	Mông	ĐH	Luật	CC Thông tin thư viện	DTTS	NV Thư viện
31	4031	Sòng Thị Chi	06/12/1999	Mông	ĐH	Giáo dục chính trị	UDCNTTCB	DTTS	Tư vấn học sinh
32	4032	Lê Lâm Duy	13/01/1999	Kinh	ĐH	Công tác xã hội	Tiếng Anh -B1, UDCNTTCB	DTTS	Tư vấn học sinh
33	4033	Quàng Thị Duyên	31/1/2003	La Ha	ĐH	Tâm lý học trường học	UDCNTTCB	DTTS	Tư vấn học sinh
34	4034	Đinh Thị Hợp	10/7/1993	Mường	ĐH	Tâm lý học giáo dục	Tin học văn phòng; CC kỹ năng nghiệp vụ hành chính văn phòng và văn thư lưu trữ	DTTS	Tư vấn học sinh
35	4035	Đỗ Thị Quỳnh Hương	09/08/2000	Kinh	ĐH	Công tác xã hội			Tư vấn học sinh
36	4036	Khoàng Thị Thu Hương	19/5/1997	Thái	ĐH	Giáo dục học		DTTS	Tư vấn học sinh

TT	SBD	Họ và tên	Ngày/tháng năm/sinh	Dân tộc	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ	Điện ưu tiên	Vị trí dự tuyển
37	4037	Lò Thị Thúy Quỳnh	05/04/2002	Thái	ĐH	Công tác xã hội	ƯDCNTTCB, CCBD NV sư phạm GD hòa nhập	DTTS	Tư vấn học sinh
38	4038	Phạm Thị Quỳnh Tâm	02/01/2002	Kinh	ĐH	Công tác xã hội			Tư vấn học sinh
39	4039	Lường Thị Thảo	10/10/2000	Lào	ĐH	Công tác xã hội	ƯDCNTTCB, Tiếng Anh - A2	DTTS	Tư vấn học sinh
40	4040	Vàng Thị Thu	03/06/2001	Mông	ĐH	Tâm lý học	B3	DTTS	Tư vấn học sinh
41	4041	Giàng A Tú	02/02/1999	Mông	ĐH	Công tác xã hội		DTTS	Tư vấn học sinh
42	4042	Khoàng Thị Chiến	14/3/1996	Thái	ĐH	Kỹ thuật tài nguyên nước	CC Bồi dưỡng nghiệp vụ văn thư lưu trữ	DTTS	NV Văn thư
43	4043	Khoàng Thị Diệu	01/2/1996	Thái	ĐH	Luật kinh doanh	CC Văn thư lưu trữ	DTTS	NV Văn thư
44	4044	Giàng Cang Dinh	06/05/1996	Mông	Trung cấp	Hành chính văn thư	Tiếng Anh - B, ƯDCNTTCB	DTTS	NV Văn thư
45	4045	Hạng A Dính	30/10/1997	Mông	ĐH	Luật	CC Văn thư lưu trữ	DTTS	NV Văn thư
46	4046	Giàng A Dũng	25/6/2001	Mông	ĐH	Lưu trữ học		DTTS	NV Văn thư
47	4047	Đinh Thị Thùy Dương	03/10/1986	Mường	Trung cấp	Hành chính văn thư		DTTS	NV Văn thư

TT	SBD	Họ và tên	Ngày/tháng năm/sinh	Dân tộc	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ	Điện ưu tiên	Vị trí dự tuyển
48	4048	Lường Thị Linh	20/08/2002	Thái	ĐH	Pháp luật dân sự	Tiếng Anh, Văn thư lưu trữ, UDCNTTCB	DTTS	NV Văn thư
49	4049	Lò Văn Long	25/05/1995	Thái	ĐH	Giới và phát triển	Văn thư lưu trữ, UDCNTTCB	DTTS	NV Văn thư
50	4050	Đoàn Phan Phúc	07/04/1993	Kinh	Trung cấp Dược; Trung cấp công nghệ Việt Nhật	Dược; văn thư lưu trữ			NV Văn thư
51	4051	Lý Na Xó	03/4/1997	Hà Nhì	ĐH	Phát triển nông thôn	UDCNTTCB; TA	DTTS	NV Văn thư
52	4052	Giàng A Sừ	13/9/1997	Mông	ĐH	Quản lý nhà nước	CC Văn thư lưu trữ; UDCNTTCB	DTTS	NV Văn thư
53	4053	Lù Thị Uyên	07/11/1995	Thái	CĐ	Sư phạm Hóa học	UDCNTTCB, Tiếng Anh - B, CC nghiệp vụ văn thư lưu trữ	DTTS	NV Văn thư
54	4054	Lò Thị Vân	10/9/1987	Thái	ĐH	Luật tổng hợp	CC Văn thư; CC thư viện thiết bị; CC tin; CC TA	DTTS	NV Văn thư
55	4055	Lầu Thị Xế	02/03/2000	Mông	ĐH	Kinh tế nông nghiệp	Văn thư lưu trữ, UDCNTTCB	DTTS	NV Văn thư

Tổng số: 55 thí sinh./.